



HIỆN TRẠNG VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI THỪA THIÊN HUẾ

Hoàng Dũng Hà¹, Nguyễn Quang Tân^{2*}, Võ Thị Phương Thảo⁴, Huỳnh Văn Chương³,
Phạm Hữu Ty¹, Lê Chí Hùng Cường¹, Nguyễn Thị Diệu Hiền¹,
Nguyễn Văn Chung¹, Dư Anh Thơ⁵

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

² Khoa Quốc Tế – Đại học Huế, 1 Điện Biên Phủ, Huế, Việt Nam

³ Cơ quan Đại học Huế, 1 Điện Biên Phủ, Huế, Việt Nam

⁴ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Thừa Thiên Huế, 12 Đống Đa, Huế, Việt Nam

⁵ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Du lịch dựa vào cộng đồng (DLCD) được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích kép cho cộng đồng địa phương và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, DLCD vẫn còn nhiều hạn chế và phát triển không đồng đều ở Việt Nam. Mục đích của bài viết này nhằm (1) tìm hiểu hiện trạng DLCD tại tỉnh Thừa Thiên Huế; và (2) phân tích các bên liên quan đến DLCD; từ đó (3) tìm ra những trở ngại của DLCD trong thực tiễn. Dữ liệu được thu thập qua các số liệu thứ cấp và phân tích tài liệu. Nghiên cứu cũng tổ chức các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu người am hiểu tại 2 xã Hồng Hạ và Quảng Lợi. Kết quả cho thấy Thừa Thiên Huế có tiềm năng lớn để phát triển DLCD bởi sự độc đáo của điều kiện tự nhiên, bề dày lịch sử và đa dạng trong văn hoá địa phương. Kết quả chỉ rõ số lượng và vai trò của các bên liên quan đến DLCD ở mỗi trường hợp là khác nhau và chưa rõ ràng. Cả hai mô hình DLCD tại Hồng Hạ và Quảng Lợi đều có những hạn chế cần bản liên quan đến năng lực của chính quyền và cộng đồng. Do đó, để đảm bảo DLCD phát triển bền vững, cần thiết có sự liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan và phát huy các giá trị địa phương.

Từ khoá: Các bên liên quan, du lịch dựa vào cộng đồng (DLCD), phát triển bền vững, Thừa Thiên Huế

* Liên hệ: nguyenquangtan@hueuni.edu.vn

Nhận bài: 8–6–2020; Hoàn thành phản biện: 20–7–2020; Ngày nhận đăng: 30–7–2020

The situation and models of community-based tourism in Thua Thien Hue province

Hoàng Dũng Hà¹, Nguyễn Quang Tân^{2*}, Võ Thị Phương Thảo⁴, Huỳnh Văn Chương³, Phạm Hữu Ty¹, Lê Chí Hùng Cường¹, Nguyễn Thị Diệu Hiền¹, Nguyễn Văn Chung¹, Dư Anh Thọ⁵

¹University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

²International School – Hue University, 1 Dien Bien Phu St., Hue, Vietnam

³ Hue University, 1 Dien Bien Phu St., Hue, Vietnam

⁴Women’s Union of Thua Thien Hue province, 12 Dong Da St., Hue, Vietnam

⁵ University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

Abstract: Community-based tourism (CBT) is expected to bring dual benefits to the local community and environmental protection. However, the CBT is still limited and uneven development in Vietnam. The purpose of this paper is (1) to explore the current situation and potential of CBT in Thua Thien Hue province; and (2) to analyze stakeholders related to CBT activities; from there (3) to find out the threats of CBT in practice. The data was collected through secondary documents and literature review. Concurrently, in-depth interviews and focus group discussions were conducted in Hong Ha and Quang Loi communes. The results show that Thua Thien Hue province owns a great potential for CBT development because of the unique nature, historical heritage, and diversity of indigenous cultures. The results also clearly indicate that the number and role of stakeholders in each case are distinguishable and unclear. Both Hong Ha and Quang Loi face limitations concerning the capacity of the government and community. Therefore, in order to ensure the sustainable development of CBT, it is warranted to closely connect between stakeholders and facilitating local community values.

Keywords: Stakeholders, community-based tourism (CBT), sustainable development, Thua Thien Hue

1 Đặt vấn đề

Du lịch được kỳ vọng sẽ trở thành một trong những ngành phát triển nhanh nhất và đóng góp quan trọng cho nền kinh tế thế giới [1]. Năm 2007, du lịch mang lại lợi nhuận khổng lồ với ước tính khoảng 1.340 tỷ đô la Mỹ được tạo ra. Lượng khách du lịch quốc tế đã tăng từ 25 triệu (năm 1950) lên 278 triệu vào năm 1980 và đạt 1.326 triệu vào năm 2017 [1]. Tuy nhiên, bất cứ điều gì cũng có hai mặt và du lịch không phải là một ngoại lệ, thực tế là có nhiều tác động tiêu cực từ du lịch [1][2]. Người ta lập luận rằng nó có thể dẫn đến suy thoái môi trường nghiêm trọng và văn hóa địa phương [3]. Tại các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTT) và khu dự trữ sinh quyển (KDTSQ), sự phát triển của cơ sở hạ tầng du lịch như khu nghỉ dưỡng, cầu cảng, lối đi bộ, bãi biển nhân tạo và các hốc đá dẫn đến mất môi trường sống, xáo trộn động vật

hoang dã và thay đổi sinh kế của người dân địa phương sống ven các khu vực bảo tồn [4]. Do đó, cần có một cách tiếp cận mới về du lịch bắt đầu từ phúc lợi của cộng đồng địa phương và mối quan tâm tới bảo vệ môi trường tự nhiên. DLCĐ (community based tourism) được coi là lựa chọn thay thế tiềm năng cho du lịch đại chúng (mass tourism) trong bối cảnh đó [5]. DLCĐ đảm bảo các chính sách du lịch không còn chỉ tập trung vào các nhu cầu về kinh tế và kỹ thuật, mà nhấn mạnh đến nhu cầu về một môi trường hoang sơ và xem xét nhu cầu của người dân địa phương [6]. DLCĐ cũng tìm cách củng cố các thể chế/chính sách để tăng cường sự tham gia của người dân địa phương và thúc đẩy sự thịnh vượng bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa [7]. Đối với nhiều cộng đồng vùng nông thôn, DLCĐ mở ra một cánh cửa mới để đưa sản phẩm địa phương hoà nhập nền kinh tế toàn cầu [8].

Tại Việt Nam, các hoạt động du lịch “xanh”, du lịch sinh thái (DLST) đã xuất hiện trong những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây. Tuy mới xuất hiện nhưng ngày càng được chú ý bởi các nhà hoạt động du lịch, môi trường. Điều này được thể hiện thông qua các hội nghị, hội thảo, chuyên đề nghiên cứu về hoạt động DLST: “Hội nghị Quốc tế về du lịch bền vững ở Việt Nam” do Tổng cục du lịch Việt Nam kết hợp với Quỹ Hanns Seidel (CHLB Đức) được tổ chức tại Huế, tháng 5/1997 hay Hội thảo “Xây dựng chiến lược Quốc gia về phát triển DLST tại Việt Nam” được tổ chức vào tháng 9/1999, tại Hà Nội do Tổng cục du lịch phối hợp với Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) và Ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) [23]. Tại đó các vấn đề về hoạt động DLST được phân tích, và đánh giá chi tiết đưa ra những phương hướng hoạt động, phát triển trong tương lai. Đồng thời, yếu tố cộng đồng được đặt lên bàn cân và xem xét trong bối cảnh DLST. Lần đầu tiên DLCĐ được đưa ra tại Hội thảo chia sẻ bài học kinh nghiệm phát triển du lịch cộng đồng Việt Nam năm 2003. Các chuyên gia đã khái quát những đặc trưng của du lịch dựa vào cộng đồng của Việt Nam: Đảm bảo văn hóa và thiên nhiên bền vững; Nâng cao nhận thức cho lao động; Tăng cường quyền lực cho cộng đồng; tăng cường hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và cơ quan quản lý nhà nước. Nó bảo đảm sự bền vững của tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Nhưng đồng thời cũng là sự đảm bảo phát triển hoạt động kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư bản địa nơi diễn ra hoạt động du lịch. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các khái niệm về DLCĐ, DLST và du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng hiện nay còn nhiều tranh cãi với nhiều quan điểm trái chiều về việc thống nhất cách gọi cũng như nội dung hoạch định [19].

Thừa Thiên Huế được đánh giá là khu vực có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Một mặt, địa phương này có 1 VQG, 1 KDTSQ và 2 KBTTN [23]. Đẩy mạnh kinh doanh du lịch ở khu vực đệm và bên trong các VQG/KBTTN đang là một xu thế của sự phát triển, gắn kết bảo tồn với phát triển du lịch, góp phần tạo nguồn tài chính bền vững phục vụ công tác bảo tồn. Mặt khác, Thừa Thiên Huế còn có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn rất đa dạng và phong phú (gắn liền với cộng đồng các dân tộc sinh sống vùng đệm VQG/KBTTN) cho phát triển du lịch [20][21].

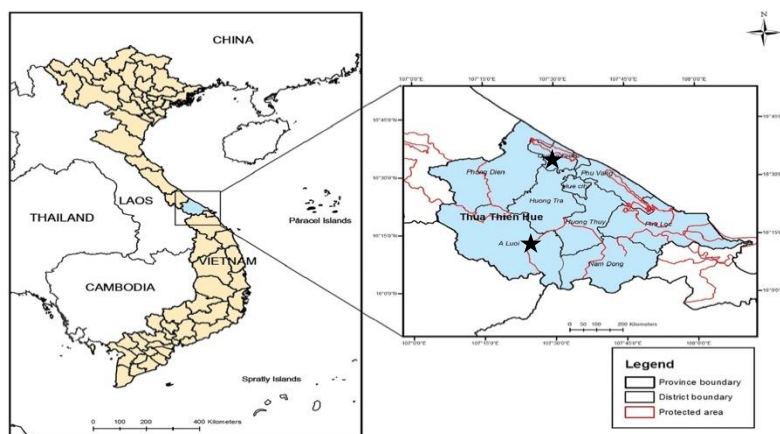
Cũng giống như tình trạng chung của cả nước, hoạt động DLCĐ mới chỉ phát triển mạnh ở một số ít khu vực có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên đặc thù, có điều kiện thuận lợi về giao thông, hay có lợi thế về truyền thông [17]. Số còn lại hoạt động rất hạn chế, chưa phát huy được tiềm năng của các nguồn tài nguyên du lịch. Chính vì vậy, trên cơ sở phân tích chính sách và bối cảnh, đồng thời nghiên cứu thực địa tại 2 khu vực DLCĐ bao gồm xã Hồng Hạ (vùng đệm KBTTN Phong Điền) và xã Quảng Lợi (khu vực bảo tồn đất ngập nước đầm phá Tam Giang – Cầu Hai), mục tiêu cụ thể của bài báo là nhằm (1) tìm hiểu tiềm năng của DLCĐ tại Thừa Thiên Huế; và (2) phân tích các bên liên quan đến DLCĐ thông qua kết quả nghiên cứu thực tế tại xã Hồng Hạ và xã Quảng Lợi, tỉnh Thừa Thiên Huế; từ đó (3) tìm ra những hạn chế của DLCĐ khi áp dụng vào thực tế.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp

Nghiên cứu này thu thập và phân tích các dữ liệu thứ cấp chủ yếu từ các bài báo khoa học, nghiên cứu xuất bản trong và ngoài nước. Các dữ liệu thứ cấp khác được thu thập qua báo cáo kinh tế – xã hội của 2 xã Hồng Hạ và Quảng Lợi trong 3 năm 2017, 2018 và 2019. Ngoài ra, các báo cáo liên quan đến du lịch tại 2 địa phương này cũng được thu thập. Các chiến lược và phương án phát triển du lịch cấp tỉnh và cấp huyện cũng được tham khảo. Hơn nữa, các tài liệu học thuật như bài báo khoa học, sách... cũng được phân tích và lập luận trong bài viết này.



Hình 1. Khu vực nghiên cứu

Số liệu sơ cấp

Thăm điểm mô hình

Bài báo chọn 2 xã Hồng Hạ và Quảng Lợi, tỉnh Thừa Thiên Huế làm điểm nghiên cứu chính bởi vì các lý do sau. Thứ nhất, đây là một trong các điểm DLCĐ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, được chính quyền địa phương tập trung đầu tư và phát triển trong thời gian qua (Hình 1). Thứ hai, các điểm du lịch này có sự đa dạng về cảnh quan, lịch sử hình thành, đối tượng tham gia và cả yếu tố văn hoá bản địa trong phát triển du lịch, sẽ là lựa chọn tốt để so sánh và tìm ra lỗ hổng (những vấn đề tồn tại) trong quá trình thực hiện DLCĐ.

Phương pháp phỏng vấn sâu người am hiểu

Số liệu sơ cấp chủ yếu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn sâu người am hiểu năm 2019 và 2020. Phương pháp này được sử dụng với 2 mục đích và 2 đối tượng tham gia khác nhau. Một mặt, nó được sử dụng để tham khảo ý kiến của các cơ quan chức năng trên địa bàn nghiên cứu từ cấp tỉnh đến cấp xã để có cái nhìn tổng quát hơn về bối cảnh phát triển du lịch trên địa bàn và đưa ra gợi ý về điểm nghiên cứu. Bài báo đã tiến hành phỏng vấn 1 phó giám đốc sở du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, 2 phó chủ tịch 2 huyện A Lưới và Quảng Điền, 2 phó chủ tịch xã phụ trách du lịch của 2 xã Hồng Hạ và Quảng Lợi. Mặt khác, nghiên cứu cũng tiến hành phỏng vấn sâu những người có vai trò trong cộng đồng như trưởng bản, già làng và những người có kinh nghiệm trực tiếp tham gia vào hoạt động du lịch trên địa bàn nghiên cứu. Tổng cộng, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 17 hộ thuộc xã Hồng Hạ và 6 người am hiểu tại xã Quảng Lợi. Nghiên cứu cũng đã phỏng vấn người dân về đánh giá của họ về vai trò các bên liên quan và hiệu quả của DLCĐ ở từng điểm nghiên cứu.

Phương pháp thảo luận nhóm tập trung

Số liệu sơ cấp của bài viết cũng được thu thập thông qua 2 cuộc thảo luận nhóm tập trung với các đối tượng được mời tham gia khác nhau. Thảo luận nhóm lần đầu được thực hiện tại xã Hồng Hạ với 6 người tham gia, là những người trực tiếp tham gia vào DLCĐ năm 2019. Lần thảo luận nhóm tiếp theo được thực hiện với sự tham gia của 1 người cán bộ xã, 1 hướng dẫn viên du lịch địa phương và 7 người dân địa phương tại xã Quảng Lợi năm 2020. Nội dung thảo luận chủ yếu tập trung vào lịch sử hình thành, loại hình du lịch, cơ chế chia sẻ lợi ích và những mâu thuẫn trong quá trình thực hiện. Các công cụ được sử dụng bao gồm: lịch thời vụ (cho du lịch), mốc thời gian (timeline), sơ đồ VENN và phương pháp cho điểm (sơ đồ lưới).

2.2 Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Phương pháp phân tích tổng quan lý thuyết là bước quan trọng để làm rõ các khái niệm, lý thuyết về DLCĐ, cũng như vai trò của DLCĐ trong thực tiễn phát triển của xã hội. Tiếp theo,

phương pháp đánh giá điển hình được áp dụng để đánh giá thực tiễn xây dựng và vận hành của các mô hình DLCĐ tại điểm nghiên cứu. Phương pháp này giúp so sánh và phân tích những khác biệt từ lý thuyết và thực tiễn áp dụng DLCĐ từ đó đề xuất giải pháp phát triển DLCĐ bền vững tại điểm nghiên cứu. Bài báo áp dụng phần mềm Excel 2016 để xử lý và dùng phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu thu thập được.

3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Điều kiện và tiềm năng phát triển DLCĐ tại Thừa Thiên Huế

Thừa Thiên Huế là địa phương có nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh để phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Với sự phong phú về bản sắc văn hóa của người dân vùng đất cố đô – kinh kỳ, sự bảo tồn gần như nguyên vẹn các phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc thiểu số cũng như sự đa dạng về hệ sinh thái tự nhiên núi cao, đồng bằng và đặc biệt là vùng đầm phá ven biển. Đó là điều kiện rất thuận lợi để Thừa Thiên Huế phát triển các loại hình du lịch cộng đồng. Nằm ở Bắc Trung Bộ của Việt Nam với diện tích hơn 5000 km² và đường bờ biển dài 120 km, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm văn hóa và du lịch của cả nước [20]. Thừa Thiên Huế nổi tiếng nhất với nhiều danh lam, thắng cảnh và nền văn hóa cổ xưa. Quần thể di tích cố đô Huế là một kiệt tác kiến trúc đô thị cổ ở Đông Nam Á và đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới năm 1993. Hơn nữa, Thừa Thiên Huế được biết đến với niềm tự hào trong việc bảo tồn các nền văn hóa, nghệ thuật truyền thống của mình thông qua các lễ hội, làng buôn bán và quảng bá các nền văn hóa nhóm thiểu số, đặc biệt là các nền văn hóa của Katu, Paco, Ta Oi và Văn Kiều [22].

DLCĐ ở Thừa Thiên Huế bắt đầu hình thành vào những năm đầu của thế kỷ XXI, các mô hình tiêu biểu của du lịch cộng đồng đã đi vào hoạt động là tham quan cầu ngói Thanh Toàn (thị xã Hương Thủy), làng cổ Phước Tích (huyện Phong Điền), du lịch khám phá và trải nghiệm ở Thủy Biều (thành phố Huế), du lịch cộng đồng thôn Dỗi-thác Mo (huyện Nam Đông). Các mô hình DLCĐ đã góp phần tạo việc làm, nâng cao đời sống cho người dân địa phương, đồng thời tạo thêm sự thu hút cho du lịch Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, sự phát triển của DLCĐ trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng. Thống kê của cơ quan du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy chỉ có khoảng 7% trong tổng số 4,3 triệu lượt khách đến Huế trong năm 2018 có tham gia trải nghiệm tại các mô hình DLCĐ [21]. Con số này là khá khiêm tốn so với những mong đợi của cơ quan chức năng và người dân địa phương. Một trong những nguyên nhân là sự tham gia của các doanh nghiệp du lịch trong quảng bá, kết nối để cung ứng dịch vụ còn rất hạn chế. Do đó, nhiều điểm du lịch cộng đồng chỉ hoạt động cầm chừng và gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì.

Năm 2019, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 [21]. Trong đó, tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển DLCĐ tại 14 điểm du lịch cộng đồng thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn với tổng kinh phí là 30.855 tỷ đồng [22]. Với sự quan tâm, hỗ trợ cho phát triển DLCĐ, gần đây, một số hướng đi mới trong việc đa dạng hoá dịch vụ gắn với DLCĐ, như trải nghiệm làm nông dân, ngư dân (Ngư Mỹ Thạnh, huyện Quảng Điền), trải nghiệm nghề thủ công truyền thống (làng Bao La, thị xã Hương Trà), các hoạt động văn hóa, âm thực truyền thống (xã Hồng Hạ, A Lưới), hay gần đây nhất là xây dựng bối cảnh, phim trường cho các bộ phim điện ảnh như *Mắt Biếc*, các video clip của các nghệ sĩ nổi tiếng... đã cho thấy rất nhiều tiềm năng và cần được đầu tư để khai thác. Ngoài ra, với việc thành lập khu bảo tồn đất ngập nước Tam Giang – Cầu Hai vào tháng 6 năm 2020, DLCĐ được xem như là một giải pháp bền vững cho việc kết hợp hài hòa giữa lợi ích của việc bảo tồn với đời sống, sinh kế của người dân địa phương. Điều này góp phần thu hút thêm du khách đến với các điểm DLCĐ.

DLCĐ được xem là sự kết hợp hoàn hảo của du lịch sinh thái và du lịch bền vững. Tuy vậy, tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn còn nhiều việc cần làm để cải thiện các hoạt động DLCĐ. Kết quả một số nghiên cứu trước đây chỉ rõ các địa phương đã không áp dụng chính sách để khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia chương trình xây dựng các sản phẩm du lịch sinh thái [19], [23]. Đặc biệt, một số vùng còn hạn chế về cơ sở hạ tầng, các sản phẩm du lịch nghèo nàn và thu nhập thấp. Ngoài ra, vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đang là vấn đề cấp bách ở các điểm du lịch hiện nay [23].

3.2 Thực trạng phát triển DLCĐ tại điểm nghiên cứu

Khái niệm DLCĐ

Khái niệm về DLCĐ và sự khác nhau giữa DLCĐ, du lịch xanh, DLST và các loại hình du lịch khác vẫn còn chưa tách bạch và chưa rõ ràng. Trong bài báo này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sâu các đối tượng là người am hiểu du lịch, đã và đang tham gia trực tiếp vào du lịch về khái niệm/quan điểm của họ về DLCĐ. Bảng 1 cho thấy những quan điểm khác nhau về DLCĐ.

Điểm chung những quan điểm này là loại hình du lịch có sự tham gia của người địa phương, mục đích nhằm nâng cao thu nhập cho họ và đa dạng hoá sinh kế, từ đó giúp bảo vệ môi trường và phát huy các giá trị truyền thống của địa phương. DLCĐ dựa trên sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương và ngày càng có cách tiếp cận thực tế đang được phát triển và áp dụng rộng rãi. Bài viết này sử dụng cách tiếp cận của Hiệp hội du lịch sinh thái Mỹ, cho rằng: “DLCĐ Là loại hình du lịch có liên quan và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương” [9].

Bảng 1. Tổng hợp các quan điểm liên quan đến DLCĐ

Tác giả/tổ chức	Quan điểm về DLCĐ
Nhóm nghiên cứu	Là loại hình du lịch có sự tham gia (trực tiếp và gián tiếp) của cộng đồng địa phương, đang diễn ra tại nơi họ sinh sống và mục đích nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng.
Sở du lịch Thừa Thiên Huế	Là loại hình du lịch bền vững, được khởi xướng với sứ mệnh sử dụng du lịch là một công cụ phát triển vừa giảm nghèo, vừa bảo vệ môi trường. Các mục tiêu cụ thể của chiến lược du lịch bền vững tại Thừa Thiên Huế được mô tả như sau: Hỗ trợ phát triển nông thôn bằng cách phát triển các sáng kiến du lịch ở khu vực nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo, sử dụng tài nguyên bền vững, cơ sở hạ tầng nông thôn, bảo tồn văn hóa và các mục tiêu xây dựng cộng đồng khác; đồng thời xây dựng năng lực của các đối tác địa phương để phát triển du lịch bền vững; tạo mô hình phát triển du lịch góp phần xóa đói giảm nghèo; thúc đẩy quản lý tài nguyên bền vững; và hỗ trợ hợp tác và hợp tác ngành.
Cán bộ chính quyền xã	Là loại hình du lịch có tính bền vững về môi trường, xã hội và văn hóa. Nó được quản lý bởi cộng đồng, vì cộng đồng và mang lại lợi ích cho địa phương một cách gián tiếp.
Hộ dân	Là làm du lịch tại địa phương, mục đích quảng bá rộng rãi cho khách du lịch và tăng thêm thu nhập.

Nguồn: PV người am hiểu và thảo luận nhóm, 2019–2020

Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, DLCĐ là loại hình du lịch có sự tham gia (trực tiếp và gián tiếp) của cộng đồng địa phương, đang diễn ra tại nơi họ sinh sống và mục đích nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Mô hình DLCĐ tại Hồng Hạ và Quảng Lợi

Điều kiện và tài nguyên du lịch

Như đã phân tích, bài báo thực hiện khảo sát tại 2 điểm đến du lịch dựa vào cộng đồng bao gồm xã Hồng Hạ (huyện A Lưới) và xã Quảng Lợi (huyện Quảng Điền), tỉnh Thừa Thiên Huế. Bức tranh tổng quát về mô hình DLCĐ được thể hiện ở Bảng 2.

Tại Hồng Hạ, DLCĐ khởi xướng từ năm 2016 với mùa du lịch bắt đầu từ tháng 3 và kết thúc vào tháng 8 hàng năm. Hiện nay, có tổng cộng 17 hộ dân tham gia và có 13.223 lượt khách tham quan năm 2019, nhưng chủ yếu là khách địa phương trong tỉnh, tỷ lệ khách nước ngoài dưới 1%. Trong khi đó, DLCĐ ở Quảng Lợi bắt đầu từ 10 năm trước, nhưng hiện tại chỉ có 21 người là thành viên của 13 hộ gia đình tham gia. Một số hình ảnh ghi lại ở Hình 2.

Bảng 2. Đặc điểm DLCD ở các điểm nghiên cứu

Đặc điểm	Hồng Hạ	Quảng Lợi
Các bên liên quan	Quản lý trực tiếp: UBND xã Hồng Hạ Quản lý gián tiếp: UBND huyện A Lưới Trực tiếp thực hiện: Tổ du lịch	Quản lý trực tiếp: Tổ du lịch và Công ty du lịch Quản lý gián tiếp: UBND xã Quảng Lợi Trực tiếp thực hiện: Tổ du lịch và Công ty du lịch
Số lượng cộng đồng tham gia	17 hộ (17 người)	13 hộ (21 người)
Khoảng cách từ trung tâm thành phố Huế	45 km	15 km
Năm bắt đầu	2016	2010
Tổng lượt khách năm 2019	13,223 lượt/năm	2,421 lượt/năm
Tỷ lệ khách nước ngoài	< 1%	5–6%
Mùa du lịch	Tháng 3 đến tháng 8	Tháng 3 đến tháng 9
Tháng cao điểm	Tháng 7	Tháng 5

Nguồn: phỏng vấn sâu, 2019-2020



(a) Hồng Hạ



(b) Quảng Lợi

Hình 2. Một số hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng tại điểm nghiên cứu

Phân tích các bên liên quan trong DLCD

Như đã đề cập, lý thuyết các bên liên quan đã được sử dụng trong nghiên cứu này trong bối cảnh phát triển DLCD dựa trên định nghĩa cổ điển của Freeman [10]. Rõ ràng, các bên liên quan trong phát triển DLCD là bất kỳ nhóm hoặc cá nhân nào có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi việc đạt được các mục tiêu phát triển. Đó là mối quan hệ cộng sinh giữa các khu vực tự nhiên và dân cư địa phương. Dựa trên mô hình của Freeman (2015), 3 bên liên quan chính

được xác định trong nghiên cứu bao gồm cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương và các nhân tố bên ngoài (công ty du lịch, tổ chức phi chính phủ, dự án/trường học).

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và thảo luận nhóm cho thấy số lượng và mức độ tham gia vào DLCĐ của các bên liên quan ở từng mô hình là khác nhau và chưa rõ ràng. Cụ thể, tại Hồng Hạ, vận hành chính có 2 bên liên quan là tổ du lịch (cộng đồng) và UBND xã (sơ đồ 1a). Thực tế, các công ty du lịch có tham gia vào DLCĐ ở thời gian đầu (2016), tuy nhiên do mâu thuẫn về lợi ích với chính quyền và ít lợi nhuận (do đầu tư lớn và xa trung tâm) nên họ đã dừng hoạt động sau đó 1 năm. Du lịch được vận hành trực tiếp bởi tổ du lịch là những người dân trực tiếp tham gia vào DLCĐ, ngoài ra các hộ khác trong cộng đồng có vai trò liên kết và hỗ trợ. UBND xã Hồng Hạ là đơn vị quản lý trực tiếp tổ du lịch, sau đó có trách nhiệm báo cáo lên UBND huyện A Lưới. Trong khi đó, tại Quảng Lợi, đóng vai trò vận hành vẫn là tổ du lịch và các hộ dân tham gia, tuy nhiên có sự hỗ trợ trực tiếp từ các doanh nghiệp du lịch (sơ đồ 1b). Cụ thể, mô hình DLCĐ lần đầu tiên được đề cập năm 2010 bởi một dự án thực hiện bởi NGO. Sau đó, các công ty du lịch tham gia vào với vai trò hỗ trợ và hướng dẫn cộng đồng. Cuối cùng, UBND xã tham gia với vai trò quản lý để đảm bảo tính pháp lý và giám sát. Hiện nay, tổ du lịch là nhóm vận hành chính các hoạt động DLCĐ nhưng được sự quản lý trực tiếp từ UBND xã Quảng Lợi và được sự hỗ trợ trực tiếp từ các doanh nghiệp du lịch như mở các tập huấn, quảng bá và giới thiệu khách... Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ và trường học đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển DLCĐ tại Quảng Lợi, khi mà các đơn vị này thường xuyên hỗ trợ dụng cụ (thuyền thúng, phà ...) cho tổ du lịch, đồng thời họ đứng ra liên kết các công ty với chính quyền để lập ra một cơ chế quản lý và vận hành chung.



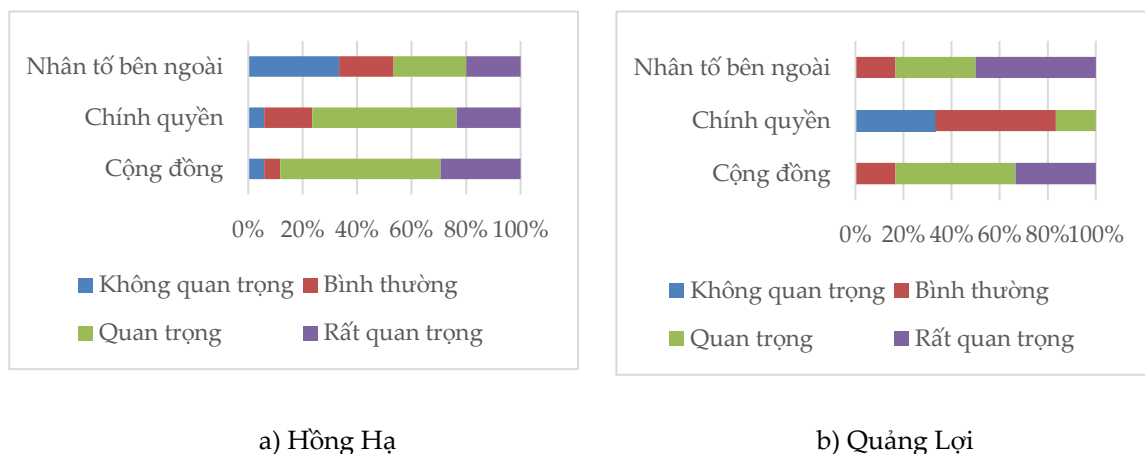
(a) Hồng Hạ

(b) Quảng Lợi

Nguồn: thảo luận nhóm, 2019-2020

Sơ đồ 1. Sơ đồ VENN về mối quan hệ giữa các bên liên quan trong DLCĐ

Trong quá trình thảo luận nhóm, nghiên cứu đã phỏng vấn người dân về đánh giá của họ về vai trò các bên liên quan ở từng điểm du lịch. Kết quả cho thấy, ở Hồng Hạ, người dân cho rằng cộng đồng và UBND xã đóng vai trò quan trọng nhất trong việc phát triển du lịch. 23,53% và 29,41% là tỷ lệ hộ cho rằng chính quyền xã và cộng đồng đóng vai trò rất quan trọng trong các hoạt động du lịch. Trong khi đó, cộng đồng đánh giá thấp vai trò của Sở du lịch, UBND huyện và phòng văn hoá huyện, họ cho rằng những đơn vị này chỉ tham gia gián tiếp và mục đích thúc đẩy. Trong khi đó, ở Quảng Lợi, người dân cho rằng cộng đồng và các công ty du lịch mới là đầu mối quan trọng nhất, với tỷ lệ hộ đồng ý ở mức rất quan trọng lần lượt là 50% và 33%. Người dân cho rằng, chính quyền không đóng vai trò quan trọng hoặc có nhưng ít trong các hoạt động du lịch tại đây, tỷ lệ lần lượt là 33.33% và 50%. Kết quả đánh giá của người dân về vai trò các bên liên quan trong du lịch được thể hiện ở Hình 3.



a) Hồng Hạ

b) Quảng Lợi

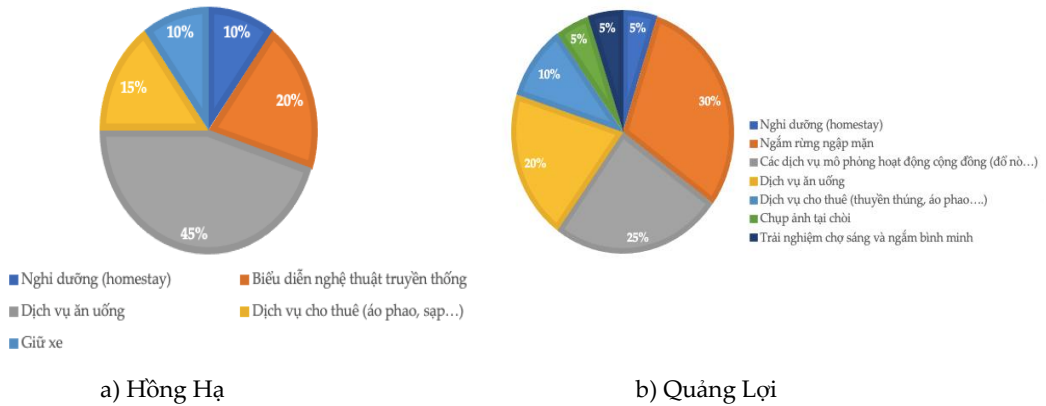
Nguồn: Phỏng vấn sâu, 2019–2020

Hình 3. Đánh giá của cộng đồng về vai trò của các bên liên quan trong DLCD

Các hoạt động dịch vụ DLCD

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các loại hình du lịch ở mỗi địa phương là khác nhau (Hình 4). Cụ thể, ở Hồng Hạ, do mới đưa vào hoạt động nên du lịch mới chỉ phát triển với 5 loại hình dịch vụ chính bao gồm: Nghỉ dưỡng tại homestay, biểu diễn nghệ thuật truyền thống, dịch vụ ăn uống, giữ xe và dịch vụ cho thuê. Trong đó, người dân cho rằng 45% thu thập là từ dịch vụ ăn uống tại khu du lịch suối Parle, 20% và 15% là từ hoạt động diễu diễn văn nghệ và dịch vụ cho thuê. Đóng góp ít vào thu nhập là loại hình nghỉ dưỡng homestay và giữ xe, với 10% mỗi loại hình. Tại Quảng Lợi, có 7 loại hình dịch vụ du lịch chính, trong đó thu nhập nhiều nhất từ 3 loại hình là ngắm rừng ngập mặn (30%), các dịch vụ mô phỏng hoạt động cộng đồng như đổ nò, bắt tria (25%) và dịch vụ ăn uống chiếm 20%. Các loại hình dịch vụ khác do mới đưa vào hoạt động nên có nguồn thu thấp, ví dụ, chỉ 5% thu nhập từ dịch vụ check-in, chụp ảnh.

Như vậy, kết quả cho thấy phát triển DLCĐ ở mỗi mô hình là khác nhau về loại hình du lịch, nó phụ thuộc vào yếu tố có sẵn và lợi thế tại địa phương, nhất là tài nguyên thiên nhiên. Ví dụ, ở Hồng Hạ dựa vào có suối Parle và dịch vụ homestay (chính là nhà Guroil của cộng đồng Cơ Tu). Trong khi đó, Quảng Lợi phát huy lợi thế của rừng ngập mặn và hoạt động đánh bắt thủy hải sản để lồng ghép vào du lịch.



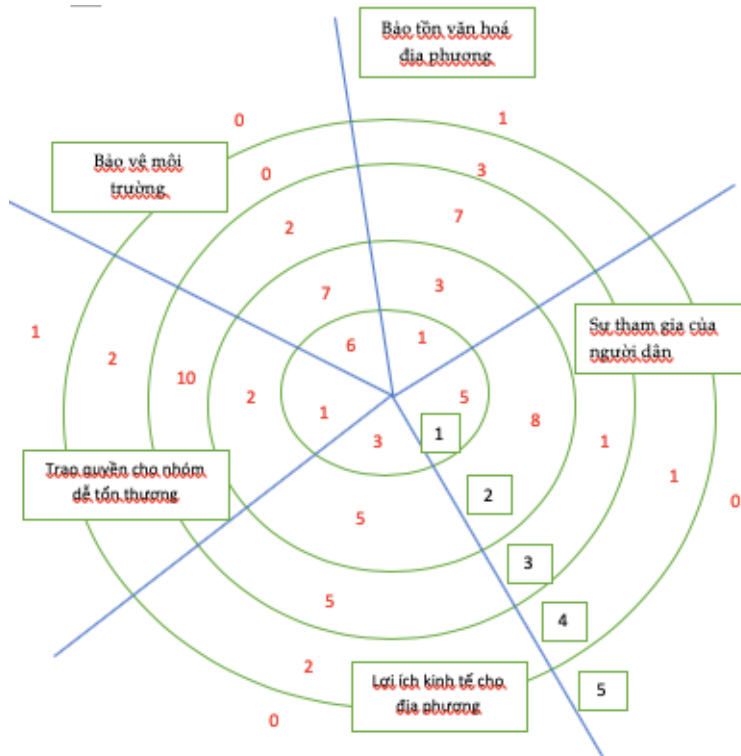
Nguồn: thảo luận nhóm, 2019-2020

Hình 4. Đánh giá của cộng đồng về thu nhập từ các loại hình du lịch chính

Hiệu quả của mô hình DLCĐ

Như đã trình bày ở trên, nghiên cứu tiến hành 2 cuộc thảo luận nhóm tại 2 xã với tổng cộng 15 người tham gia (6 ở Hồng Hạ và 9 ở Quảng Lợi) để xem xét đánh giá của cộng đồng về hiệu quả của mô hình DLCĐ với 5 nhóm yếu tố chính gồm: Môi trường, văn hoá, sự tham gia của cộng đồng địa phương, kinh tế và trao quyền cho nhóm dễ bị tổn thương. Mỗi yếu tố có những tiêu chí khác nhau để người dân dễ hình dung và lựa chọn. Cụ thể, yếu tố môi trường bao gồm các tiêu chí như là nâng cao nhận thức cho du khách và người dân địa phương; giảm ô nhiễm môi trường. Yếu tố văn hoá bao gồm bảo tồn phong tục địa phương, duy trì và phát triển nghề truyền thống. Yếu tố sự tham gia của cộng đồng gồm các tiêu chí về gắn kết cộng đồng, góp phần hài lòng khách. Yếu tố kinh tế được thể hiện bằng tăng thu nhập, đa dạng hoá sinh kế và tạo nguồn quỹ cho bảo tồn thiên nhiên. Yếu tố trao quyền gồm có tiêu chí về bình đẳng giới, người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương. Ở mỗi nhóm yếu tố, sẽ có tổng cộng 5 mức đánh giá gồm: hoàn toàn đạt được, đạt được, phân vân, chưa đạt được và hoàn toàn chưa đạt được. Mỗi người tham gia thảo luận nhóm sẽ lên đánh dấu vào mỗi yếu tố ở 1 mức độ mà theo họ là hợp lý nhất. Tổng điểm của các yếu tố luôn đạt 15. Kết quả tổng hợp (sơ đồ 2) cho thấy, người dân đánh giá có 2 khía cạnh mà DLCĐ có thể mang lại hiệu quả nhất đó là khía cạnh bảo vệ môi trường với 13/15 người cho rằng hoàn toàn đạt được và có thể đạt được; và khía cạnh về sự tham gia của cộng đồng địa

phương. Ngược lại, đa số người dân đang phân vân về việc liệu DLCĐ có giúp trao quyền cho nhóm người yếu thế hay không và có giúp bảo tồn văn hoá được hay không. Về kinh tế, có 8/15 người hoàn toàn đồng ý và đồng ý rằng DLCĐ có thể giúp nâng cao thu nhập và tạo kinh tế địa phương, nhưng cũng có tới 7/15 người đang phân vân và cho rằng nó là chưa thể đạt được.



* Ghi chú: - Số màu đen trong ô xanh là các cấp của thang đo tương ứng 1- hoàn toàn đạt được, 2 – đạt được, 3 – phân vân, 4 – không đạt được, 5 – hoàn toàn không đạt được.

- Số màu đỏ là tổng hợp tổng số lượng người tham gia thảo luận nhóm bỏ phiếu cho mỗi cấp.

Nguồn: thảo luận nhóm, 2019-2020

Sơ đồ 2. Đánh giá của người dân về hiệu quả của mô hình DLCĐ tại địa phương

3.3 Những hạn chế trong phát triển DLCĐ tại các điểm nghiên cứu

Có thể thấy, việc áp dụng DLCĐ là khá phức tạp trong bối cảnh thực tế. Mặc dù sự tham gia của cộng đồng vào quá trình phát triển du lịch là điều kiện cần thiết, nhưng thực tế, số lượng du khách có xu hướng giảm. Có nhiều nguyên nhân nhưng khía cạnh bài viết muốn đề cập ở đây là năng lực con người. Việc thiếu các kỹ năng nhất định cần thiết trong ngành du lịch cản trở tiến

độ của các dự án phát triển du lịch. Sebele (2010) cho rằng du lịch không thể thành công nếu người dân địa phương không có được những kỹ năng cần thiết trong du lịch [11]. Trớ trêu thay, điều này lại đang diễn ra ở 2 địa bàn nghiên cứu, đặc biệt là ở Hồng Hạ, nơi 100% cộng đồng tham gia du lịch là người dân tộc thiểu số và trình độ thấp. Là một ngành tương đối mới đối với người dân địa phương (thường là nông dân), các kỹ năng đặc biệt cần thiết cho du lịch là không quen và đòi hỏi cao. Bởi vì rõ ràng, du lịch đòi hỏi các kỹ năng khác với nông nghiệp [22]. Phát hiện của bài báo trùng khớp với tuyên bố của các nghiên cứu khác trên thế giới. Ví dụ, Dieke (trích trong Tosun) cho rằng kinh nghiệm địa phương về du lịch là không đáng kể, thiếu chuyên môn và năng lực là một yếu tố khác ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của phát triển du lịch có sự tham gia tại cấp địa phương [25]. Do đó, cộng đồng cần có được các kỹ năng quản lý, kinh doanh và tiếp thị thông qua các khoá đào tạo để đảm bảo rằng họ thâm nhập vào thị trường và đạt được một phần lợi ích lớn hơn từ ngành du lịch [11], [13].

Ngoài ra, bất cứ hoạt động/dự án nào cũng cần có sự giúp đỡ có chủ ý và hợp tác của một loạt các cơ quan từ chính phủ đến cơ quan tài trợ quốc tế, tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp [14]. Trong hoạt động du lịch cũng tương tự, tầm quan trọng của việc kết hợp các bên liên quan trong phát triển DLCĐ không thể được đánh giá thấp vì điều này đảm bảo sự phát triển diễn ra theo cách có thể chấp nhận được đối với tất cả các bên liên quan [15]. Các tổ chức bên ngoài (công ty, phi chính phủ...) có hai chức năng chính trong bối cảnh phát triển DLCĐ bao gồm cung cấp dịch vụ và vận động chính sách [16]. Các tổ chức này là một công cụ thể chế tốt để trao quyền cho các cộng đồng chủ nhà bản địa thông qua các phương tiện giáo dục, tổ chức, và chính trị khác nhau [14]. Tuy nhiên, một kịch bản không mong muốn như vậy đã diễn ra ở Hồng Hạ, nơi du lịch thiếu sự chuyên nghiệp và yếu trong tiếp thị, một phần do các nhà điều hành tour/các công ty du lịch không tham gia hoặc đã từng tham gia nhưng không còn hoạt động. Trong khi đó, ở Quảng Lợi, chính quyền địa phương tỏ ra thờ ơ và cũng không có sự hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài như NGOs. Do đó, lý tưởng nhất là phải có sự hỗ trợ đáng kể của khu vực công và tư nhân [17], [18]. Các công ty du lịch có thể phát triển các sản phẩm tốt hơn cho khách du lịch bằng cách kết hợp các dịch vụ địa phương, hàng hóa và trải nghiệm văn hóa vào các lựa chọn kỳ nghỉ [23]. Cụ thể hơn, các chương trình du lịch có thể liên kết khách du lịch đến trải nghiệm văn hóa, đưa khách đến các trang trại địa phương nơi họ có thể xem ngô được trồng và chế biến như thế nào, hoặc xem múa dân gian và thưởng thức đồ ăn truyền thống ngay tại địa phương.

Thực tế là, các cấp chính quyền liên quan đến DLCĐ tại Hồng Hạ và Quảng Lợi chưa tạo ra được môi trường đủ hấp dẫn để thu hút và khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân. Do đó, chính quyền và các bên liên quan khác nhau phải cung cấp một môi trường thuận lợi để tăng cường đầu tư và tính bền vững của du lịch. Bên cạnh các cơ sở hạ tầng cần thiết và các tiện ích xã hội như đường, điện, nước, nên cung cấp thêm các dịch vụ và đa dạng chỗ ở để tăng cường sự hài lòng của khách du lịch trong thời gian lưu trú. Chính quyền nên đóng vai trò giám sát, và là

cầu nối giữa cộng đồng và doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính bền vững của DLCĐ tại Hồng Hạ và Quảng Lợi trong tương lai gần.

4 Kết luận

DLCĐ đã cho thấy tiềm năng to lớn và đóng góp có ý nghĩa cho sự phát triển kinh tế và xã hội ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu tổng quan các tài liệu về DLCĐ trong và ngoài nước, nghiên cứu này đã chỉ ra được cơ sở về thực tiễn và pháp lý để phát triển DLCĐ. Trường hợp nghiên cứu tại Hồng Hạ và Quảng Lợi đã cho thấy một số hạn chế mang tính chất căn bản khi triển khai DLCĐ trong thực tế, đó là sự hạn chế về năng lực của chính quyền và cộng đồng địa phương cũng như sự thiếu phối hợp giữa các bên liên quan.

Các giải pháp để phát huy tiềm năng lợi thế về DLCĐ của 2 địa phương cần chú trọng xây dựng cơ chế liên kết và phát huy vai trò của các bên liên quan, đặc biệt là sự tham gia chủ động của cộng đồng và các doanh nghiệp làm du lịch đóng vai trò then chốt. Việc trao quyền làm chủ cho người dân trong các mô hình DLCĐ sẽ phát huy tốt vai trò chủ động, tránh tâm lý phụ thuộc và ỷ lại. Chính quyền đóng vai trò điều phối chung và giúp cộng đồng kết nối với các bên liên quan khác trong phát triển bền vững các mô hình DLCĐ.

Các nghiên cứu tiếp theo cần tập trung phân tích bài học kinh nghiệm và đưa ra những khuyến nghị cho các nhà làm chính sách để hướng đến việc kết nối thị trường giữa du lịch truyền thống và du lịch cộng đồng, phát huy đúng tiềm năng to lớn của du lịch cộng đồng trong xoá đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường tại Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng.

Lời cảm ơn

Cám ơn quỹ Asia-Pacific Network for global change research (APN) đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này thông qua dự án CBA2019-02MY-Hoang.

Tài liệu tham khảo

1. UNWTO, (2018), *UNWTO International Tourism Trends 2017*, 1–20.
2. M. Mowforth and I. Munt, (2005), *Tourism and Sustainability: Development and New Tourism in the Third World*, 32(2).
3. S. Percy, (2009), *Ecotourism: Paradise Gained or Paradise Lost?*, *Panos Media Brief.*, 14, 14.
4. W. Gladstone, B. Curley, and M. R. Shokri, (2013), Environmental impacts of tourism in the Gulf and the Red Sea, *Mar. Pollut. Bull.*, 72(2), 375–388.
5. R. Scheyvens, (2011), *Tourism and Poverty*, Routledge.

6. D. Fennell, (2007), *Ecotourism: Third edition*.
7. J. Brohman, (1996), New directions in tourism for third world development, *Ann. Tour. Res.*, 23(I), 48–70.
8. A. L. Stronza, (2010), Commons management and ecotourism: ethnographic evidence from the Amazon, *Int. J. Commons*, 4(1), 56–77.
9. M. Mann, (2000), *The community tourism guide*, EARTHSCAN.
10. R. E. Freeman and D. J. Aram, (2015), *Strategic management: A stakeholder approach*. Pitman Publishing Inc.
11. L. S. Sebele, (2010), Community-based tourism ventures, benefits and challenges: Khama Rhino Sanctuary Trust, Central District, Botswana, *Tour. Manag.*, 31(1), 136–146.
12. G. He et al., (2008), Distribution of economic benefits from ecotourism: A case study of Wolong Nature Reserve for Giant Pandas in China, *Environ. Manage.*, 42, 1017–1025.
13. D. D. Gow and J. Vansant, (1983), Beyond the rhetoric of rural development participation: How can it be done?, *World Dev.* 11(5), 427–446.
14. C. Tosun, (2000), Limits to community participation in the tourism development process in developing countries, *Tour. Manag.*, 21(6), 613–633.
15. D. M. Ngila, (2009), The private sector-community relationship in ecotourism: The case of Umngazi river bungalows. Master thesis.
16. V. Desai and R. B. Potter, (2014), *The Companion to Development Studies, Third Edition*.
17. N. N. Bernadette, (2011), The Role of Private Sector Participation in Sustainable Tourism Development in Cross River State, Nigeria, *Int. J. Bus. Soc. Sci.*, 2(2), 153–160.
18. R. Butler, (2005), *The tourism area life cycle vol.1: Applications and Modifications*, 1(10).
19. Nguyễn Quang Tân, Ubukata Fumikazu, Nguyễn Công Định và Dương Việt Tân, (2019), Thực trạng và hạn chế trong quá trình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng ở khu vực miền núi huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55 (Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu)(1), 157–166.
20. TTHPPC, (2017), Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Báo cáo Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại tỉnh Thừa Thiên Huế.
21. TTHTDoT, (2019), Sở du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế, Báo cáo kết quả du lịch năm 2017 và định hướng phát triển cho giai đoạn 2018–2020.
22. USAID, (2018), Chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2018–2023, Dự án Trường Sơn Xanh, tài trợ bởi USAID.

23. Nguyễn Minh Đạo và Trần Quang Bảo, (2018), Du lịch sinh thái trong các Vườn Quốc Gia, khu bảo tồn thiên nhiên khu vực Miền Trung và Tây nguyên: Lý thuyết và Thực tiễn. Báo cáo trình bày và đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế "Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững khu vực Miền Trung và Tây Nguyên lần thứ I, Phát triển du lịch tại các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên: Cơ sở khoa học, pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn" tại Đà Nẵng, ngày 21/07/2018, 14–29.
24. VNAT, (2018), Tổng cục du lịch Việt Nam, Thống kê du lịch Việt Nam qua các năm. Truy cập từ <http://vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/13500>.
25. C. Tosun, (1998), Roots of unsustainable tourism development at the local level: The case of Urgup in Turkey, *Tour. Manag.*, 19(6), 595–610.